

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 325/2025/DS-PT

Ngày: 17-06-2025

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Dũng;

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Duyên Hằng;

Bà Trần Thị Thắm.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hoàng Quân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Mai - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 191/2025/TLPT-DS ngày 21/5/2025 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 315/2025/QĐ-PT ngày 26 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Ngọc N, sinh năm 1973; địa chỉ: số B đường N, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: số D đường L, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/5/2025); có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Bà Tô Thị B, sinh năm 1973; vắng mặt;

2. Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1973; có mặt;

Cùng địa chỉ: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Tô Thị B: Ông Đỗ Quốc H, sinh năm 1973; địa chỉ: Khu phố F, phường T, thành phố B, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 21/10/2024); có mặt.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Đỗ Quốc H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10/7/2024 và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N là ông Đặng Văn T trình bày:

Do mối quan hệ quen biết nên ngày 05/4/2021, bà N có cho ông Đỗ Quốc H và bà Tô Thị B vay 6,5 cây vàng SJC, lãi suất vay là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng, ông H và bà B cam kết hết thời hạn vay sẽ trả lại cho bà N 6,5 cây vàng SJC. Để thuận tiện trong việc tính lãi suất đối với số vàng trên, ông H và bà B yêu cầu bà N bán 6,5 cây vàng sau đó chuyển tiền cho ông H và bà B. Do đó bà N đã bán số vàng này được 356.100.000 đồng, số tiền này bà N đã chuyển vào tài khoản của bà B. Hằng tháng ông H và bà B phải đóng tiền lãi theo mức $356.100.000 \text{ đồng} \times 1,5\%/\text{tháng} = 5.340.000 \text{ đồng}$.

Ngày 05/4/2022, thời hạn vay đã hết, ông H và bà B không trả vàng cho bà N nên đề nghị gia hạn khoản vay đến ngày 05/4/2023, lãi suất 1,5%/tháng. Ngày 05/3/2023, ông H, bà B tiếp tục đề nghị gia hạn khoản vay đến ngày 05/3/2024, bà N đồng ý nên các bên lập giấy mượn tiền ghi nội dung: Ông Đỗ Quốc H và bà Tô Thị B vay của bà Huỳnh Thị Ngọc N số tiền 356.100.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng.

Ngoài ra, ngày 20/3/2023, ông H và bà B tiếp tục vay bà N số tiền 600.000.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng, thời hạn vay 12 tháng, hai bên có lập giấy mượn tiền có chữ ký của ông H, bà B.

Hiện nay, ông H và bà B còn nợ bà N số tiền vay là 600.000.000 đồng và 6,5 cây vàng. Ông H và bà B chỉ thanh toán tiền lãi các khoản vay trên cho bà N đến ngày 20/02/2024.

Nay bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông H, bà B trả bà N số tiền 600.000.000 đồng và 6,5 cây vàng SJC.
- Tiền lãi của số tiền 600.000.000 đồng và 356.100.000 đồng (6,5 cây vàng) từ ngày 20/02/2024 đến ngày 11/3/2025 với mức lãi 1,5%/tháng = 180.702.900 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đỗ Quốc H và bà Tô Thị B trình bày:

Từ ngày 10/12/2019 đến ngày 20/02/2024, ông H và bà B có vay tiền của bà N nhiều lần, mỗi lần vay đều trả tiền gốc và tiền lãi đầy đủ, lãi vay đầu tiên là 2%/tháng sau đó giảm còn 1,5%/tháng.

Ông H xác nhận chữ ký tại giấy mượn tiền ngày 20/3/2023 và giấy mượn tiền ngày 05/3/2023 là của ông H và bà B. Đối với giấy mượn tiền ngày 20/3/2023

ông H và bà B thừa nhận số tiền ông bà vay là 600.000.000 đồng, lãi suất là 1,5%/tháng, thời hạn vay là 12 tháng.

Đối với giấy mượn tiền ngày 05/3/2023, ông H và bà B xác định chỉ vay số tiền 356.100.000 đồng, lãi suất 1,5%/tháng thời hạn vay là 12 tháng, ông H, bà B không vay vàng của bà N, tại thời điểm vay ông bà biết bà N bán 6,5 cây vàng SJC và chuyển khoản số tiền bán vàng được cho bà B thông qua tài khoản ngân hàng. Tại giấy mượn tiền có ghi “Ghi chú: (quy đổi 6,5 cây vàng SJC giá bán 53.400.000 đồng/cây)” là do bà N bán vàng rồi tự ghi vào giấy mượn tiền chứ hai bên không hề có thỏa thuận mượn vàng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của bà N thì ông H và bà B đồng ý trả cho bà N số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc theo giấy mượn tiền ngày 20/3/2023. Số tiền 356.100.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 05/3/2023, ông H và bà B không đồng ý trả bà N 6,5 cây vàng SJC. Về tiền lãi thì ông H, bà B chỉ đồng ý trả với mức lãi suất 1%/tháng từ ngày 20/02/2024.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 11/3/2025, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương đã quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N đối với bị đơn ông Đỗ Quốc H và bà Tô Thị B về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Đỗ Quốc H và bà Tô Thị B có nghĩa vụ trả cho bà Huỳnh Thị Ngọc N số tiền tổng cộng 1.136.802.900 đồng (một tỷ một trăm ba mươi sáu triệu tám trăm lẻ hai nghìn chín trăm đồng), trong đó:

Tiền gốc là 956.100.000 đồng (chín trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng).

Tiền lãi là 180.702.900 đồng (một trăm tám mươi triệu bảy trăm lẻ hai nghìn chín trăm đồng).

Kể từ ngày Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ, thì hằng tháng người phải thi hành án còn phải thanh toán cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Ngọc N đối với bị đơn ông Đỗ Quốc H, bà Tô Thị B về việc thanh toán số tiền vay 356.100.000 đồng bằng 6,5 cây vàng SJC.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi có bản án sơ thẩm, ngày 14/3/2025 ông Đỗ Quốc H có đơn kháng cáo một phần bản án dân sự sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất cho vay là 1,5%/tháng.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự tại Tòa án cấp phúc thẩm.

Về nội dung: Bị đơn chỉ kháng cáo về tiền lãi, chỉ đồng ý trả tiền lãi với mức lãi suất 1%/tháng. Xét các giấy mượn tiền, bị đơn thỏa thuận với nguyên đơn mức lãi suất 1,5%/tháng, bị đơn cho rằng có thỏa thuận giảm mức lãi suất xuống 1%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh, nguyên đơn không thừa nhận sự việc này. Việc nguyên đơn yêu cầu trả lãi từ ngày 20/02/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm là có lợi cho bị đơn. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để giữ nguyên toàn bộ bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng của các đương sự tại phiên tòa, ý kiến đại diện Viện kiểm sát,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Quốc H là trong thời hạn luật định. Do đó, Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý giải quyết theo quy định của pháp luật.

[1.2] Quá trình tố tụng tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Đặng Văn T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Căn cứ theo Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[1.3] Theo đơn kháng cáo ngày 14/3/2025 và tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn ông Đỗ Quốc H xác định chỉ kháng cáo yêu cầu Tòa án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất cho vay là 1,5%/tháng và không kháng cáo với các nội dung khác của bản án sơ thẩm. Như vậy, các phần quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời gian kháng cáo, kháng nghị.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về tiền lãi vay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền lãi với mức lãi suất là 1,5%/tháng trên nợ gốc, bao gồm khoản vay thứ nhất là 356.100.000 đồng (Ba trăm năm mươi sáu triệu một trăm nghìn đồng) quy đổi từ 6,5 cây vàng SJC và khoản vay thứ hai là 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), từ ngày 20/02/2024 đến ngày xét xử sơ thẩm (11/3/2025). Mức lãi suất này phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.2] Quá trình tố tụng tại cấp sơ thẩm, ông H xác nhận chữ ký của ông H và bà B tại Giấy mượn tiền ngày 05/3/2023 và Giấy mượn tiền ngày 20/3/2023. Theo các văn bản này, lãi suất được các bên thỏa thuận là 1,5%/tháng. Tại phiên tòa sơ thẩm, ông H và bà B cũng đồng ý trả toàn bộ nợ gốc là 956.100.000 đồng và tiền lãi phát sinh từ ngày 20/02/2024 đến thời điểm xét xử sơ thẩm, nhưng ông H và bà B chỉ không đồng ý với mức lãi suất là 1,5%/tháng. Bị đơn ông H và bà B cho rằng các bên có thỏa thuận giảm lãi xuống còn 1%/tháng nhưng không có chứng cứ chứng minh có việc thỏa thuận giảm lãi và nguyên đơn bà N cũng không thừa nhận có thỏa thuận này.

Do đó, tiền lãi ông H và bà B có nghĩa vụ trả cho bà N cụ thể như sau: $(356.100.000 \text{ đồng} + 600.000.000 \text{ đồng}) \times 1,5\%/\text{tháng} \times 1 \text{ năm } 18 \text{ ngày (ngày 21/02/2024 đến ngày 11/3/2025)} = 180.702.900 \text{ đồng}.$

[3] Từ những phân tích trên, bị đơn ông Đỗ Quốc H kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về mức lãi suất cho vay là 1,5%/tháng nhưng không cung cấp được chứng cứ mới làm thay đổi nội dung vụ án nên không có căn cứ chấp nhận. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đánh giá toàn diện các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đảm bảo quyền và lợi ích các bên, xét xử phù hợp với quy định pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Quốc H phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Đỗ Quốc H.
2. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 23/2025/DS-ST ngày 11/3/2025 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bình Dương.
3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông Đỗ Quốc H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm tại Biên lai tạm ứng án phí số 0000304 ngày 04/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố B;
- TAND thành phố B;
- Các đương sự;
- Tổ hành chính tư pháp;
- Lưu: Hồ sơ, Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Trung Dũng